TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1312/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11/9/2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt Nga – Thư ký tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý 371/2024/TLST-HNGĐ ngày 26/3/2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 518/2024/QĐXXST–HNGĐ ngày 06/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 347/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/8/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1971 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Thường trú: ấp T, xã S, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Thường trú: Ấp V, C, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ L trình bày:

Bà L và ông Nguyễn Văn C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày 31/12/2003 tại UBND xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ năm 2017, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Vợ chồng hàn gắn, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả và đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay bà L nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được và mỗi người đều có cuộc sống riêng nên bà L yêu cầu ly hôn với ông C.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thùy D (sinh ngày 22/6/1999).

Con chung đã trưởng thành và bà L không yêu cầu giải quyết gì về con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C vắng mặt, không cung cấp lời khai, không đưa ra ý kiến, yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải, tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Hóc Môn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Toà án đã triệu tập, tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp L nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ L và ông Nguyễn Văn C chung sống với nhau có đăng ký kết hôn. Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 258, Quyển số 02/2003 do UBND xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/12/2003 thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông C là hôn nhân hợp pháp.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của bà L: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn C không cung cấp lời khai, không đưa ra ý kiến, yêu cầu, không giao nộp chứng cứ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bà L để làm cơ sở giải quyết vụ án. Theo như lời khai của bà L thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Mặc dù vợ chồng hàn gắn, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả và đã sống ly thân từ năm 2020. Hiện nay, bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và thông báo về phiên hòa giải nhưng ông C vẫn không đến Tòa án tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa. Vì vậy, Tòa án không thể hòa giải để vợ chồng trở về sống chung với nhau. Từ đó, Hội đồng xét xử nhận định đời sống chung vợ chồng của bà L và ông C đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể kéo dài. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông C .

[6] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thùy D (sinh ngày

22/6/1999). Con chung đã trưởng thành, ông C và bà L không có yêu cầu giải quyết gì về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung: Bà L và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về nợ chung: Bà L và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000đồng, bà L chịu, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí tòa án; Danh mục án phí, L phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lê Thị Mỹ L được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thùy D (sinh ngày 22/6/1999). Con chung đã trưởng thành, ông C và bà L không có yêu cầu giải quyết gì về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà L phải nộp án phí ly hôn là 300.000đồng, và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng mà bà L đã nộp theo biên lai số 0024433 ngày 26/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- VKSND H.Hóc Môn;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- UBND xã Đông Thạnh, H.Hóc Môn;
- Lưu: hồ sơ.

Đỗ Thị Phương Nam